

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hòa Bình về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP, Chương trình hành động số 33-CTr/TU*);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả các nội dung phù hợp với từng đối tượng, thành phần, từng cấp, ngành, nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nắm vững, hiểu rõ những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 03/NQ-CP, Nghị quyết số 57-KL/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TU.

- Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

3. Mục tiêu đến năm 2030

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh đạt mức trung bình chung của cả nước. Nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ tiên tiến, hiện đại để chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả trong sản xuất và đời sống, tập trung một số lĩnh vực, công nghệ ưu tiên: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ số, công nghệ chế biến nông lâm sản và chế biến dược liệu,...

- Bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển; phân đầu tăng năng suất lao động khoảng 8%; tỷ trọng đóng góp của tăng TFP vào tăng trưởng kinh tế khoảng 45%. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trên địa bàn đạt tối thiểu 30% GRDP. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

- Hình thành ít nhất 01 Khu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tập trung, hiện đại, kết nối chặt chẽ với Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các trường Đại học, Viện nghiên cứu, nhà khoa học trong nước và quốc tế.

- Sắp xếp lại các tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo.

- Toàn bộ hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh được thực hiện trên môi trường số.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt trên 80%. Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%. Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%.

- Tỷ lệ phủ sóng 4G đạt 100% và phủ sóng 5G đạt 99%.

- Hoàn thành việc xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh hiện đại, đạt tiêu chuẩn, an toàn, bền vững trong năm 2028.

- Hoàn thành xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực như đất đai, tài nguyên, nông nghiệp, quy hoạch, giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch...
- Có cơ sở đào tạo trình độ từ đại học trở lên về công nghệ tại tỉnh, đề tập trung đào tạo nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.
- Tỉnh Hòa Bình trở thành trung tâm Logistics khu vực Tây Bắc.
- Xây dựng thành phố Hòa Bình trở thành đô thị thông minh mức cơ bản; từng bước xây dựng đô thị thông minh trên địa bàn các huyện gắn với du lịch sinh thái.
- Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình trở thành bệnh viện thông minh.
- Phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số đạt mức khá của quốc gia. Đảm bảo về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

4. Mục tiêu tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Hòa Bình phát triển vững chắc, góp phần đưa tỉnh Hòa Bình trở thành tỉnh phát triển, có thu nhập bình quân đầu người đạt mức cao, là trung tâm dịch vụ du lịch và công nghiệp chế biến chế tạo hàng đầu của vùng trung du và miền núi phía Bắc; Tỷ lệ đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo vào GRDP đạt 50%. Có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và kết nối; hệ thống đô thị thông minh; khu vực nông thôn hiện đại, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, thích ứng hiệu quả với tác động của biến đổi khí hậu. Quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo vững chắc.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Tuyên truyền, quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 03-NQ/CP; Chương trình hành động số 33-CTr/TU theo hướng: Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác phù hợp với từng đối tượng, tầng lớp Nhân dân để nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và toàn thể Nhân dân về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Xây dựng, ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm.

- Quy định về trách nhiệm xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức.

- Xây dựng nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Hằng năm đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Phân đầu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung cụ thể hóa các quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Khai thác các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà do Bộ, ngành Trung ương triển khai về địa phương để cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

- Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức phù hợp cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất. Tổ chức triển khai có hiệu quả các cuộc thi về phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và các phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện cơ chế, chính sách; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa chính sách thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Rà soát đề xuất sửa đổi quy định của pháp luật để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về cơ chế, chính sách trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; hoàn thiện quy định của địa phương để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

- Đề xuất với các cơ quan trung ương về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa

tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, tăng cường thực hiện khoán chi trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư.

- Xây dựng danh mục các lĩnh vực, công nghệ ưu tiên, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Triển khai thực hiện tốt Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; thực hiện phát triển hạ tầng năng lượng, năng lượng sạch; rà soát, tổ chức quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Thực hiện các chương trình, dự án thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm trong hoạt động đổi mới sáng tạo của tỉnh. Xây dựng, hình thành Khu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tập trung, hiện đại tại thành phố Hòa Bình kết nối chặt chẽ với Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các trường Đại học, Viện nghiên cứu, nhà khoa học trong nước và quốc tế.

- Phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ; hệ thống chuẩn đo lường, phòng thí nghiệm trọng điểm, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Xây dựng, ban hành danh mục và triển khai các nền tảng số dùng chung của tỉnh, của ngành, lĩnh vực bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

- Xây dựng, triển khai Chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số; Triển khai các cơ chế, giải pháp để tỉnh Hòa Bình trở thành trung tâm Logistics khu vực Tây Bắc.

- Công bố danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển các hạ tầng số mới cần thiết cho chuyển đổi số.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông

rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn tỉnh.

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số. Tập trung thúc đẩy, triển khai các giải pháp xây dựng và phát triển đô thị thông minh đối với thành phố Hòa Bình.

- Hoàn thành việc đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh trong năm 2028, phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu tỉnh kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia. Có cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu vùng, khu vực đặt tại tỉnh.

- Chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, Khu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tập trung (*sau khi được thành lập và đưa vào hoạt động*) theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ thông minh; thúc đẩy, phát triển một số ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) như sản xuất, thương mại, năng lượng, nông nghiệp, giao thông, y tế, văn hóa, du lịch...

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh, trong đó ưu tiên cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực tại địa phương như: Đất đai, tài nguyên, nông nghiệp, quy hoạch, văn hóa, giáo dục, y tế, du lịch... để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo. Phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Xác lập quyền sở hữu, kinh doanh dữ liệu và phân phối giá trị tạo ra từ dữ liệu.

- Thực thi đầy đủ các chiến lược, đẩy mạnh áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực.

- Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng.

- Đầu tư, nâng cao năng lực về an toàn, an ninh mạng ngay từ khi thiết kế, xây dựng hạ tầng số. Tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hạ tầng thông tin quan trọng của tỉnh.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tiếp tục tập trung triển khai các nội dung nhiệm vụ được giao theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII¹; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

¹ Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

- Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ. Thực hiện chính sách thuê chuyên gia khoa học và công nghệ trình độ cao để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên về khoa học tự nhiên.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.

- Rà soát, sửa đổi các quy định về chính sách cấp học bổng, miễn giảm học phí cho sinh viên, học viên các ngành STEM phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, những người tham gia các chương trình đào tạo kỹ sư an ninh mạng, vật liệu tiên tiến từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Hợp tác với các trường Đại học, Viện nghiên cứu để hình thành cơ sở đào tạo trình độ đại học trở lên, phục vụ cho công tác đào tạo nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực: Công nghệ thông tin, công nghệ số, công nghệ sinh học, y học, công nghệ chế biến...; phối hợp với các trường, học viện trong nước triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ kỹ thuật viên, đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao.

- Đổi mới, đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo các ngành STEM; Ứng dụng các nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến theo tiêu chuẩn quốc tế, phát triển mô hình giáo dục số kết hợp ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, không gian ảo.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi về thuế, cơ chế tài chính để khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số, tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho các mô hình hợp tác công tư (PPP) trong đào tạo nhân lực công nghệ số, xây dựng quy chế phối hợp giữa các bên (Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu).

- Nghiên cứu, đề xuất nhu cầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược đáp ứng nhu cầu nhân lực thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Rà soát, xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyên đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, địa phương.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị nền hành chính, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Triển khai, xây dựng, phát triển Chính quyền số theo nội dung chỉ đạo, hướng dẫn tại Chương trình phát triển Chính phủ số (*sau khi được ban hành*) với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính quyền số; phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành việc đưa toàn bộ hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh được thực hiện trên môi trường số.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để xây dựng các cơ sở khoa học nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Phối hợp với các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp để đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của hệ thống chính trị.

- Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan Nhà nước trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân giúp giảm tính quan liêu của bộ máy Nhà nước; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Chuyển đổi mô hình hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công bằng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ công, qua đó đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân.

- Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số. Trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

- Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản.

- Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; xây dựng/triển khai bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng theo hướng dẫn của các cơ quan trung ương.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số.

- Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

- Xây dựng/triển khai nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh, hệ thống y tế thông minh...

- Phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang; bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật theo hướng tự động hóa, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa quốc phòng, an ninh; xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng, triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Rà soát, xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

- Tổ chức thực hiện các giải pháp để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

- Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp dựa trên bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp do cơ quan trung ương ban hành; triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

- Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số tham gia giải quyết.

- Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số khai thác tốt thị trường chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Rà soát, xây dựng, thực hiện các cơ chế đặc thù để thu hút các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp điện tử, công nghiệp viễn thông... tham gia đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh. Phân đầu xây dựng, hình thành 01 khu công nghệ cao của tỉnh.

- Khuyến khích, phát huy tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đánh giá hiệu quả đầu tư chuyển đổi số theo quy định.

- Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số.

- Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng, ban hành chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, logistics, du lịch,...

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế đa phương, song phương với các địa phương, vùng lãnh thổ, các tập đoàn đa quốc gia có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển, các tổ chức quốc tế, các viện nghiên cứu hàng đầu thế giới về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Học tập kinh nghiệm quốc tế, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; Đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Hàng năm, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chương trình, đề án, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tập trung đầu tư cho các dự án trọng điểm có tính đột phá.

2. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa phương huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

3. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Kế hoạch là: 2.582.000 triệu đồng. Trong đó dự kiến nguồn vốn như sau:

- Ngân sách nhà nước: 1.932.000 triệu đồng.

- Vốn doanh nghiệp, xã hội hóa: 650.000 triệu đồng

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm đôn đốc, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện; xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch.

2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh và UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) đánh giá tình hình thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (*Chi tiết có các Phụ lục I, II kèm theo*).

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hòa Bình về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) để xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo Hòa Bình; Đài PT-TH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh VP/UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh VP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Ng. K)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Công Sứ

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Hòa Bình)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	Đạt mức khá ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm khá trong cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức trên trung bình khá của Việt Nam	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số	Thứ bậc	≤ 30 các tỉnh, thành trên cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính quyền số	Thứ bậc	≤ 30 các tỉnh, thành trên cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Tỉ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	> 40	Sở Tài chính
6	Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu	%	> 70	Sở Công thương
7	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
8.1	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ

8.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Sở Khoa học và Công nghệ
8.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
8.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
8.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Sở Khoa học và Công nghệ
8.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
8.7	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	70	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
8.8	Tỷ lệ cắt giảm hoặc tự động hóa thủ tục hành chính về cấp phép	%	≥ 30	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
8.9	Tỷ lệ cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép	%	50	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
8.10	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước (Trừ văn bản mật)	%	100	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
8.11	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Sở Nội vụ
8.12	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
9	Số lượng doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	Doanh nghiệp	> 25	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện

10	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI) (thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố có chỉ số HDI cao nhất cả nước)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	> 0,70	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GRDP	2	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	%	> 60	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	Kinh phí chi cho sự nghiệp khoa học	Không thấp hơn mức dự toán Thủ tướng Chính phủ giao	Sở Tài chính
14	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Người/vạn dân	15	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình	%/năm	8-12	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Tỉ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%	8-10	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Hạ tầng số		Tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng	Sở Khoa học và Công nghệ
18.1	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
18.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	100	Sở Khoa học và Công nghệ
19	Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ

20	Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh
21	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Sở Y tế
23	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
24	Tỷ lệ Make in VietNam trong tổng doanh thu công nghiệp số tỉnh	%	50	Sở Khoa học và Công nghệ
II	Đến năm 2045			
26	Quy mô kinh tế số	%GRDP	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
27	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương	Thứ bậc	≤ 30	Sở Khoa học và Công nghệ
28	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số	Số doanh nghiệp/10000 dân	1	Sở Khoa học và Công nghệ

PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Hòa Bình)

STT	Nội dung nhiệm vụ/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (Triệu đồng)		Ghi chú
					Nguồn vốn ngân sách nhà nước	Nguồn vốn doanh nghiệp, xã hội	
I	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia						
1	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành và tổ chức triển khai thực hiện chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung và có mục tiêu cụ thể	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Báo Hòa Bình Công TTĐT tỉnh	Năm 2025			
2	Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội	Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Báo Hòa Bình, Trung tâm tin học và Công báo	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	2.500		500 triệu/năm
3	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Thường xuyên			
4	Xây dựng văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ,	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	2025			

	đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức						
5	Nghiên cứu xây dựng phương pháp/tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước gắn với việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức theo quy định	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025			
6	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Thường xuyên			
7	Phấn đấu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo cơ quan, đơn vị nhà nước	Sở Nội vụ; các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Thường xuyên			
8	Khai thác các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà do Bộ, ngành Trung ương triển khai về địa phương để cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên			
9	Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên			
10	Phát động và tổ chức hội thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh hòa Bình	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030	4.000		2 cuộc

11	Tổ chức ngày hội đổi mới sáng tạo Techfest	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030	6.000		2 cuộc
12	Tổ chức các đoàn công tác học tập kinh nghiệm trong nước, quốc tế kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030	2.500		500 triệu/năm
13	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030	2.500		500 triệu/năm
14	Phát động phong trào thi đua trong tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến trong chuyển đổi số	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý I/2026			
II	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện cơ chế, chính sách; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa chính sách thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
15	Xây dựng và hoàn thiện có chế chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia thí điểm ứng dụng, thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành có liên quan	Quý I/2026			

16	Rà soát các quy định pháp luật do địa phương ban hành để tham mưu tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2026			
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
17	Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số	Sở Khoa học, Công nghệ, Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Hàng năm			
18	Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan	Hàng năm			
19	Duy trì, sửa chữa các trang thiết bị, tài sản phục vụ cho nghiên cứu khoa học, công nghệ và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan	Hàng năm	15.000		3 tỷ/năm
20	Tổ chức triển khai các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng, khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghiệp chiến lược	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở ngành, địa phương	Thường xuyên			
21	Rà soát, nghiên cứu, lưu giữ, bảo tồn và phát triển nguồn gen một số sản phẩm chủ lực, các chủng vi sinh vật hữu ích phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hòa Bình	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Giai đoạn 2026-2030	10.000		
22	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên			

23	Xây dựng phòng thí nghiệm đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu thí nghiệm và thử nghiệm tại chỗ cho các sản phẩm, hàng hóa có thể mạnh, chủ lực của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành	2027	30.000		
24	Rà soát các quy định hiện hành để bảo đảm có quy định về ưu đãi đầu tư, thuê, mua các sản phẩm, dịch vụ số	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, địa phương	Năm 2025			
25	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được các cơ quan trung ương ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực, địa phương trên môi trường số	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên			
26	Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh hiện đại, đạt tiêu chuẩn, an toàn, bền vững	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Công an tỉnh	Giai đoạn 2025-2028	100.000		
27	Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách cho phép sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng nền tảng số và được sử dụng chung cho nhiều cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026			
28	Xây dựng Chương trình/Kế hoạch/văn bản triển khai phát triển kinh tế số, xã hội số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025			
29	Xây dựng các cơ chế và triển khai thực hiện để tỉnh Hòa Bình trở thành trung tâm Logistics khu vực Tây Bắc	Sở Công thương	Các Sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng	Giai đoạn 2025-2029			
30	Xây dựng, ban hành danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Hằng năm			

31	Xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý I/2026			
32	Xây dựng và phát triển thành phố Hòa Bình trở thành đô thị thông minh đạt mức cơ bản	UBND thành phố Hòa Bình	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng	Giai đoạn 2025-2028	50.000		
33	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị cho Trung tâm tích hợp dữ liệu chung Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Sở Tài chính, Công an tỉnh, Sở KH&CN	Năm 2027	50.000		
34	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Ban quản lý các Khu công nghiệp Hòa Bình	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương; các doanh nghiệp viễn thông; UBND các huyện, thành phố	Quý I/2026		100.000	
35	Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành lĩnh vực giáo dục đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở KH&CN, UBND các huyện, tp	Giai đoạn 2025-2027	30.000		
36	Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành lĩnh vực y tế	Sở Y tế	Sở Tài chính, Sở KH&CN, UBND các huyện, tp	Giai đoạn 2025-2027	30.000		
37	Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp, đất đai, môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở KH&CN, UBND các huyện, tp	Giai đoạn 2025-2027	200.000		
38	Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành lĩnh vực văn hoá, du lịch	Sở Văn hoá - TTDL	Sở Tài chính, Sở KH&CN, UBND các huyện, tp	Giai đoạn 2025-2027	30.000		

39	Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành lĩnh vực lao động, việc làm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành & UBND các huyện, tp	Giai đoạn 2025-2027	30.000		
40	Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành lĩnh vực xây dựng, quy hoạch	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, Sở KH&CN, UBND các huyện, tp	Giai đoạn 2025-2027	30.000		
41	Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành lĩnh vực khoa học và Công nghệ	Sở KHCN	Các sở, ban, ngành & UBND các huyện, tp	Năm 2026	10.000		
42	Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành lĩnh vực Tài chính	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành & UBND các huyện, tp	Năm 2026	10.000		
43	Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành lĩnh vực Công thương	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành & UBND các huyện, tp	Năm 2026	10.000		
44	Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành ngành Tư pháp	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành & UBND các huyện, tp	Năm 2026	10.000		
45	Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành lĩnh vực Dân tộc, tôn giáo	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ban, ngành & UBND các huyện, tp	Năm 2026	10.000		
46	Hoàn thành tích hợp, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Thường xuyên			
47	Xây dựng Khu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tập trung, hiện đại tại thành phố Hòa Bình kết nối chặt chẽ với Khu công nghệ cao	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, UBND TP Hòa Bình	Năm 2030	300.000		

	Hoà Lạc, các trường Đại học, Viện nghiên cứu, nhà khoa học trong nước và quốc tế.						
48	Duy trì, sửa chữa các trang thiết bị, tài sản phục vụ hoạt động Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Hàng năm	15.000		3 tỷ/năm
49	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-THH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh; Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025	10.000		
50	Đầu tư mua sắm, bổ sung giải pháp, trang thiết bị sao lưu dữ liệu ngoại tuyến "offline" cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Hòa Bình đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Năm 2025	5.000		
51	Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn tỉnh.	Các doanh nghiệp Viễn thông	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giai đoạn 2025-2030		500.000	
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
52	Xây dựng Kế hoạch phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, các sở, ngành, địa phương	Quý I/2026			

	dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050						
53	Rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách đặc thù thu hút, học tập, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, địa phương	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025	5.000		1 tỷ/năm
54	Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập; tổ chức đánh giá, sáp nhập giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động không hiệu quả để tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các tổ chức mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025			
55	Thực hiện chính sách thuê chuyên gia khoa học và công nghệ trình độ cao để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	10.000		2 tỷ/năm
56	Thực hiện việc liên kết với các Trường Đại học, Học viện để đào tạo trình độ từ đại học trở lên về công nghệ tại tỉnh, để tập trung đào tạo nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Tài chính	Năm 2027	20.000		
V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị nền hành chính, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh						
57	Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Hòa Bình hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Tháng 11 của năm trước			

58	Xây dựng quy định đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan Đảng, HĐND, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Công an tỉnh; Sở Tư pháp; Thanh tra tỉnh	Năm 2026			
59	Triển khai các chương trình ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	25.000		5 tỷ/năm
60	Xây dựng, triển khai Trung tâm giám sát, điều hành thông minh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2026-2028	50.000		
61	Xây dựng, triển khai các nền tảng số phục vụ cho hoạt động chuyên môn công tác Đảng	Văn phòng Tỉnh ủy	Sở Tài chính, Công an tỉnh, Sở KH&CN và các cơ quan khối Đảng	Giai đoạn 2026-2030	40.000		
62	Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025			
63	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương	Năm 2025			
64	Thực hiện Chương trình cắt giảm giấy phép tại địa phương và chuyển một số nhiệm vụ, hoạt động cấp phép cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm giai đoạn 2025-2030 theo chỉ đạo của Chính phủ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp	Quý IV/2025			

65	Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số hình thành công dân số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025			
66	Xây dựng Kế hoạch và triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025			
67	Xây dựng/triển khai bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng theo hướng dẫn của các cơ quan trung ương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025			
68	Số hóa di sản văn hóa năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2026 - 2030	40.000		
69	Xây dựng/triển khai nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	Năm 2026	10.000		
70	Xây dựng Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng	Công an tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026			
71	Xây dựng Kế hoạch phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng	Công an tỉnh		Năm 2025			
72	Tổ chức triển khai có hiệu quả, đúng quy định đối với các nhiệm vụ do các cơ quan trung ương triển khai áp dụng trên địa bàn tỉnh phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06, gồm: (1) Định danh tàu thuyền (2) Định danh địa điểm	Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Sở VHTT&DL, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ngân hàng nhà nước		Năm 2025			

	(3) Xây dựng sàn giao dịch việc làm; Nền tảng hợp đồng lao động điện tử (4) Xây dựng sàn giao dịch bất động sản (5) Ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử góp phần chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng (6) Xây dựng sàn thương mại điện tử gắn với sản phẩm nông nghiệp và đặc sản vùng miền (7) Phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo (8) Phát triển kinh tế đêm (9) Mô hình du lịch thông tin (10) Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 18 chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ trên nền tảng thương mại điện tử	Việt Nam tỉnh Hòa Bình, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính					
73	Hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025			
74	Xây dựng giải pháp, công cụ để giám sát các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; để cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin sổ sức khỏe trên VNID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh	Sở Y tế	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện	2025	8.000		
75	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ, giải pháp chuyển đổi số toàn diện cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Các Sở, ban, ngành	Giai đoạn 2026-2028	100.000		

76	Đầu tư cho đổi mới sáng tạo để đưa ra một quy trình mới, cải tiến các mô hình dịch vụ hiện có của Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Các Sở, ban, ngành	Giai đoạn 2026-2028	15.000		
77	Nghiên cứu, đề nghị các doanh nghiệp cung cấp chữ ký số công cộng có chế độ ưu đãi cấp chữ ký số cho các cơ sở y tế, cán bộ, nhân viên y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế	Quý IV/2025			
78	Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đăng ký thành lập doanh nghiệp, mua bán hóa đơn điện tử	Công an tỉnh, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Sở Công Thương	Chi nhánh Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Sở Tài chính	Năm 2025 và những năm tiếp theo			
79	Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án đột phá phát triển khoa học công nghệ, công nghiệp an ninh, làm chủ công nghệ chiến lược thực hiện hiện đại hóa lực lượng Công an nhân dân	Công an tỉnh		Hàng năm			
80	Xây dựng Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh với đầy đủ các chức năng đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tuyến, dựa trên dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2025	5.000		
81	Nâng cấp, đảm bảo hoạt động Cổng thông tin điện tử của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh		Năm 2025	3.000		
82	Xây dựng nền tảng Tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	2026-2027	25.000		
83	Xây dựng nền tảng Giám sát dữ liệu trực tuyến (SOP)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Công an tỉnh	Năm 2026	5.000		

84	Nâng cấp, mở rộng Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) tỉnh Hòa Bình	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Công an tỉnh	Năm 2027	10.000		
85	Xây dựng nền tảng Bản đồ số thông tin địa lý dùng chung của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030	35.000		
86	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý văn bản điện tử (thay thế hệ thống hiện tại)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	2026-2030	10.000		dự kiến thuê 2 tỷ/năm
87	Xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hòa Bình	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Công an tỉnh	2026-2030	10.000		dự kiến thuê 2 tỷ/năm
88	Nâng cấp, phát triển Cổng dữ liệu mở và Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	8.000		
89	Phát triển hệ thống Quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2026	10.000		
90	Triển khai nền tảng trợ lý ảo để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động	Sở Nội vụ	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2026	5.000		
91	Triển khai tòa soạn số, kho cơ sở dữ liệu tập chung và số hóa hoạt động của Báo Hòa Bình	Báo Hòa Bình	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2027	15.000		
92	Xây dựng phần mềm quản lý về công tác thanh tra, kiểm tra	Thanh tra tỉnh	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2026	6.000		

93	Nâng cấp phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực	Sở Tư pháp	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2026	5.000		
94	Xây dựng hệ sinh thái giáo dục thông minh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện	2026-2030	40.000		
95	Xây dựng triển khai hệ thống giám sát, phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện	2025-2027	30.000		
96	Triển khai Hệ thống Khám, chữa bệnh từ xa và Hệ thống hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến cho người dân trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	Sở Y tế	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện	2025-2026	10.000		
97	Lập hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	Sở Y tế	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện	2025-2026	6.000		
98	Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ xây dựng hệ thống khám, chữa bệnh y tế thông minh tại các cơ sở y tế	Sở Y tế	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện	2025-2030	100.000		
99	Nâng cấp Cổng Du lịch thông minh tỉnh Hoà Bình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện	2026-2027	5.000		
100	Số hóa 3D di sản văn hóa tỉnh Hòa Bình cho Bảo tàng tỉnh Hòa Bình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2026	15.000		

			nghệ, UBND cấp huyện				
101	Số hóa các khu di tích, các điểm Du lịch trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND huyện các huyện, thành phố	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện	2025-2030	30.000		
102	Tạo lập, kết nối, chia sẻ, tổng hợp, phân tích, đánh giá, giám sát chất lượng thông tin, dữ liệu	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, TP	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	2026-2030			
103	Tiếp tục triển khai hoạt động giám sát an toàn an ninh mạng tập trung (SOC); phần mềm phòng, chống mã độc quản trị tập trung, đánh giá an toàn thông tin	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	2022-2030	20.000		
104	Xây dựng và triển khai hệ thống truyền thanh thông minh cho UBND các cấp huyện, xã	UBND các huyện, TP	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở VH,TT&DL	2024-2030	30.000		
105	Xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	UBND các huyện, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	2024-2030	10.000		
106	Nâng cấp trang thiết bị CNTT tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	2026	30.000		
107	Phát triển, mở rộng mạng kết nối internet công cộng tại các đô thị và khu kinh tế trọng điểm được lựa chọn phát triển theo hướng đô thị thông minh; Triển khai các hệ thống Wifi công cộng miễn phí phục vụ nhu cầu của người dân và du khách tại các điểm công cộng	UBND các huyện, TP; Các doanh nghiệp viễn thông, internet		2024-2030	10.000	50.000	

VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp						
108	Tham mưu tổ chức các chương trình, nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh thúc đẩy chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025			
109	Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp dựa trên bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp do cơ quan trung ương ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Tháng 10/2025	1.000		200 triệu/năm
110	Xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số	Sở Tài chính, Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố	Tháng 4/2026	25.000		05 tỷ/năm
111	Lựa chọn triển khai các chương trình ứng dụng khoa học – công nghệ vào sản xuất nông nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	50.000		10 tỷ/năm
112	Hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, thương hiệu, hỗ trợ xây dựng quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm của các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	hàng năm	2.500		500 triệu/năm
113	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm			
114	Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm			

115	Xây dựng các mô hình đổi mới sáng tạo để trình diễn ứng dụng các tiến bộ mới, công nghệ mới cho các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, người dân tham quan, học tập, ứng dụng và hỗ trợ triển khai mô hình.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hằng năm	25.000		5 tỷ/năm
116	Xây dựng, công bố danh mục các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hằng năm			
117	Triển khai thực hiện các trình tự, thủ tục để xây dựng, hình thành 01 khu công nghiệp dành cho công nghệ cao của tỉnh tại huyện Lương Sơn	Ban Quản lý các KCN Hòa Bình	Các Sở, ban, ngành; UBND huyện Lương Sơn	2030			
118	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh. Xây dựng công cụ đánh giá trực tuyến và định kỳ tổ chức đánh giá, công bố kết quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ	Năm 2025			
119	Triển khai đánh giá hiệu quả đầu tư chuyển đổi số theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên			
120	Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2027	15.000		3 tỷ/năm
121	Thường xuyên rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực tỉnh đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại Việt Nam; có đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam với tỷ lệ 1% - 3% doanh thu	Sở Tài chính; Ban Quản lý các KCN tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên			

VII	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
122	Thúc đẩy nghiên cứu, chia sẻ các mô hình, kinh nghiệm quốc tế về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp liên quan, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Năm 2025			
123	Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu tỉnh về đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp liên quan, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Thường xuyên			
124	Tích cực, chủ động tham gia định hình các khuôn khổ, quy tắc, quản trị về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ chế hợp tác đa phương; nghiên cứu khả năng tham gia các cơ chế, sáng kiến hợp tác về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ		Thường xuyên			
	Tổng cộng				1.932.000	650.000	